

MÔNG CỔ: ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI

HỒNG DƯƠNG*

Mông Cổ là một quốc gia thuộc khu vực Đông Bắc Á, có diện tích lớn thứ 19 trên thế giới (1.564.116 km²). Mong Cổ giáp Liên bang Nga ở phía Bắc với chiều dài biên giới 3.543 km và giáp Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ở phía Nam với đường biên 8.220 km. Mong Cổ là quốc gia có quan hệ ngoại giao chính thức với Việt Nam từ ngày 17 tháng 11 năm 1954.

Xưa kia, Mong Cổ từng là một đế chế hùng mạnh nhất thế giới. Vào khoảng năm 1206 sau Công nguyên, một nhà nước Mong Cổ được hình thành dựa trên liên minh những bộ lạc du mục dưới sự lãnh đạo của Thành Cát Tư Hãn (Chinggis ("Genghis") Khan). Thành Cát Tư Hãn và các hậu duệ của ông đã tiến hành hàng loạt cuộc chinh phục và nắm quyền kiểm soát một vùng đất rộng lớn gồm Đông Âu, Trung Đông, Nga, Triều Tiên. Người cháu nội danh tiếng của Thành Cát Tư Hãn là Hốt Tất Liệt (Kublai Khan) đã lập nên triều đại nhà Nguyên (còn gọi là Nguyên Mong) vào năm 1271. Năm 1279 quân đội của Hốt Tất Liệt đã tiêu diệt nhà Nam Tống (1127-1279), thống nhất Trung Quốc. Nhà Nguyên còn có tham vọng tiếp tục mở rộng ảnh hưởng sang các vùng

đất khác, đã nhiều lần tiến đánh Việt Nam, Nhật Bản, Miến Điện nhưng đều không thành công. Trong quá trình tan rã của đế quốc Nguyên Mong, đất đai dần dần bị chia cắt và thu hẹp lại. Hiện tại, cơ cấu hành chính của Mong Cổ gồm 21 tỉnh (Arhangay, Bayanhongor, Bayan-Olgii, Bulgan, Darhan-Uul, Dornod, Dornogovi, Dundgovi, Dzavhan, Govi-Altay, Govisumber, Hentiy, Hovd, Hovsgol, Omnogovi, Orhon, Ovorhangay, Selenge, Suhbaatar, Tov, Uvs) và 1 thành phố tự trị là Thủ đô Ulaanbaatar.

Về địa hình và khí hậu, Mong Cổ thuộc vùng cao nguyên có độ cao trung bình so với mực nước biển là 1.580m. Đỉnh Hutyen trên dãy núi Tavan Bogd nằm ở cực tây Mong Cổ là nơi gặp nhau của đường biên giới ba nước Mong Cổ - Trung Quốc - Nga có độ cao nhất (4.374m). Điểm thấp nhất nằm ở vùng bình nguyên phía đông có độ cao là 560m. Địa hình của Mong Cổ chủ yếu là núi và cao nguyên, phần lớn đất đai không thể trồng trọt canh tác được. Thế đất dốc, trải dài từ vùng Altai phía tây và bắc xuống những bình nguyên và lòng chảo phía đông và nam. Vùng núi chiếm 42,5% diện tích toàn lãnh thổ, dãy núi cao nhất có độ cao từ 3.500m đến 4.374m. Trên lãnh thổ Mong Cổ, dãy

* Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

Mongol Altai dài 2.392 km trải từ tây đến bắc. Các dãy núi: Altai, Hangai, Henthi và Hiangan như những bức thành bao quanh đất nước che chắn luồng không khí nóng ẩm từ Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương thổi vào. Sa mạc Gôbi của Mông Cổ rộng hơn 400.200 km². Mặc dù sa mạc này được coi là một biển cát vô tận, nhưng thực tế chỉ có 3% diện tích được bao phủ bởi cát còn lại là những núi đá và thung lũng rộng lớn với những bụi cây và những hồ nước mặn; hệ sinh thái sa mạc là nguồn sống cho các loại động vật như dê, lạc đà và một số loại động vật hiếm như báo bắc cực, dê rừng, cừu rừng, ngựa hoang, sơn dương và rất nhiều gấu Mazaalai. Vùng phía bắc và tây bắc Mông Cổ là khu vực có kiến tạo địa chất không ổn định, thường xuyên xảy ra những trận động đất và nhiều suối nước nóng, hiện tại có nhiều núi lửa đã ngừng hoạt động.

Mông Cổ có hơn 4000 hồ lớn nhỏ, trong đó đẹp nhất là hồ Khuvsgul ở phía Tây bắc. Cũng giống như ở hồ Baikan ở Siberia, bao quanh hồ Khuvsgul là những dãy núi với những rừng Taiga dày đặc. Tổng diện tích bề mặt của hồ là 2.621 km², nơi sâu nhất là 238m. Từ thời cổ xưa, nơi đây đã được người dân địa phương dành cho một tình cảm đặc biệt gọi là “*Biển Mẹ*”. Một hồ lớn khác là hồ Uvs nằm trong thung lũng của các hồ lớn có chiều dài 84km, rộng 74km. Điều đặc biệt đây là hồ nước mặn, gần giống như nước biển và vì vậy cả chim hải âu từ bốn phương cũng về cư ngụ.

Mông Cổ có ba dãy núi chính. Cao nhất là dãy núi Altai kéo dài dọc từ khu vực tây

và tây nam đất nước theo trục tây bắc-đông nam. Dãy Hangayn Nuruu kéo dài theo hướng tây bắc-đông nam, chiếm phần lớn vị trí trung tâm và phía bắc trung tâm Mông Cổ. Đó là những dãy núi già và thấp hơn và được bao phủ bởi nhiều rừng cây và đồng cỏ. Dãy Hentiyn Nuruu gần biên giới với Nga kéo đến đông bắc của Ulaanbaatar có độ cao thấp hơn. Đại bộ phận phía đông của Mông Cổ là đồng bằng, còn khu vực thấp nhất là lòng chảo trải dài theo hướng tây nam đến đông bắc, chạy từ khu vực Gôbi ở phía nam đến biên giới phía đông. Những con sông chủ yếu chảy theo ba hướng chính: từ phía bắc đến Biển Bắc (Arctic Ocean), từ phía đông đến Thái bình dương, từ phía nam đến sa mạc và lòng chảo Trung Á. Những con sông phần lớn đều phát triển ở phía bắc. Hệ thống sông chính của Mông Cổ thuộc hệ thống Selenge-Moron, tất cả đều chảy ra Hồ Baican. Những nhánh sông nhỏ của Sông Yenisey thuộc Siberia cũng chảy trên khu vực những dãy núi cao của miền tây bắc Mông Cổ. Những con sông thuộc vùng đông bắc Mông Cổ đổ nước về Thái Bình Dương qua các con sông Argun và Amur. Có một số sông, suối nhỏ phía nam và tây nam Mông Cổ không đổ ra biển mà chảy vào những hồ nước mặn hay sa mạc.

Mông Cổ có thời tiết lạnh và khô. Hầu như khắp đất nước Mông Cổ có nhiệt độ cao trong mùa hè và rất lạnh vào mùa đông, với nhiệt độ trung bình vào tháng Một xuống dưới -30°C (-22°F). Ulaanbaatar có nhiệt độ trung bình thấp nhất trong tất cả các thủ đô trên thế giới. Nơi đây mang khí hậu lục

địa điển hình với mùa đông lạnh giá kéo dài và mùa hè ngắn ngủi. Mông Cổ có khoảng 257 ngày trời quang trong một năm. Tại vùng trung tâm, khí áp luôn trong tình trạng cao. Lượng mưa trong năm cao nhất ở phía bắc, khoảng 20-35cm và thấp nhất ở phía nam với lượng mưa 10-20 cm. Điểm cực nam của Mông Cổ chính sa mạc là Gôbi, một số vùng trong khu vực này hầu như không có hạt mưa nào trong năm. Từ Gôbi trong tiếng Mông Cổ có nghĩa là sa mạc, lòng chảo, đầm nước mặn, thảo nguyên; nhưng nó thường gọi cho người ta nghĩ đến một vùng đất rộng lớn khô cằn, chỉ đủ cỏ khô cho lũ lạc đà. Vùng đất mênh mông Gôbi rất dễ bị làm tổn hại, thậm chí bị phá huỷ để trở thành một sa mạc đích thực do việc chăn thả ngày một mở rộng.

Nhiệt độ trung bình trên khắp Mông Cổ luôn dưới độ đóng băng suốt từ tháng Mười một đến tháng Ba và ở mức đóng băng vào tháng Tư và tháng Mười. Tháng Một và tháng Hai nhiệt độ trung bình là -20c. Vào mùa đông, ban đêm nhiệt độ thường xuống tới -40c. Mùa hè ở vùng nam Gôbi nhiệt độ cao nhất là 38 độ. Còn thủ đô Ulaanbaatar có nhiệt độ khoảng 30c. Hơn nữa đất nước bị bao bởi tầng đất bị đóng băng vĩnh cửu làm cho việc xây dựng, kiến trúc cầu đường và khai thác mỏ trở nên rất khó khăn. Hầu như mọi con sông và các hồ nước ngọt đều đóng băng vào mùa đông, nhiều con suối nhỏ nước bị đóng băng tới tận đáy. Ulaanbaatar nằm trên độ cao 1.351 m so với mực nước biển trên một thung lũng của sông Tuul Gol. Nằm ở phía bắc, nơi có lượng mưa tương đối

tốt, khoảng 31 cm một năm và phần lớn mưa thường xuất hiện vào tháng Sáu và tháng Tám. Ulaanbaatar có nhiệt độ trung bình hàng năm là -2,9 độ c và thời gian tuyết tan kéo dài từ giữa tháng Sáu cho đến cuối tháng Tám.

Thời tiết của Mông Cổ được đặc trưng bởi tính thất thường, khó dự đoán trước, nhất là vào mùa hè. Những chỉ số trung bình hàng năm ẩn dấu sự dao động thất thường rất lớn về lượng mưa, những ngày sương giá, sự xuất hiện của những trận bão tuyết và bão cát. Tình hình thời tiết đó đã đe dọa đến sự sống còn của con người và vật nuôi. Thống kê chính thức cho biết, dưới 1% đất đai có thể trồng trọt được, 8~10% là rừng và phần còn lại là đồng cỏ và sa mạc. Ngũ cốc, chủ yếu là lúa mì được trồng ở vùng thung lũng thuộc hệ thống sông Selenge ở phía bắc, những cánh đồng luôn biến động và khó dự đoán do lưu lượng và thời gian mưa và những ngày sương giá chết chóc. Mặc dù mùa đông rất lạnh và trời quang mây, nhưng vẫn đôi khi có bão tuyết. Tuy tuyết đọng không nhiều nhưng cũng đủ bao phủ để cỏ không mọc được làm cho đàn gia súc chết hàng loạt. Chính điều kiện khắc nghiệt như vậy khiến cho việc gây dựng đàn gia súc gia tăng là một điều khó khăn.

Về vấn đề môi trường, sau nhiều năm tập trung phát triển công nghiệp và đô thị hóa, nạn ô nhiễm môi trường ở Mông Cổ bắt đầu trở nên nan giải. Việc chặt phá rừng ở Hangaun Nuruu đã tạo ra những trận lũ quét xuống những con sông ở phía bắc Mông Cổ, những con sông này lại gây ô nhiễm cho

những đồng lúa dọc theo bờ các con sông bằng rác thải công nghiệp và những chất thải chưa qua xử lý từ những trung tâm cư dân ngày một đông. Thủ đô Ulaanbaatar ngự tại một thung lũng có nhiều nhà máy và cư dân ở đây đang sống trong bầu không khí nhiều bụi than. Phía Nam, sa mạc Gôbi ngày một mở rộng do việc chăn thả quá mức làm cho diện tích đất đồng cỏ bị đe dọa nghiêm trọng. Từ năm 1987, Chính phủ Mông Cổ đã ngày một tăng cường sự quan tâm tới việc bảo vệ môi trường.

Dân số Mông Cổ có độ tuổi rất trẻ, được phân bố một cách rải rác và tốc độ tăng nhanh. Theo con số thống kê vào tháng 7 năm 2007, dân số Mông Cổ là 2.951.786 người và dự đoán con số này vào năm 2025 là 3,111 triệu. Theo chuẩn thế giới, tỉ lệ sinh của Mông Cổ là cao và tỉ lệ chết tương đối thấp. Cụ thể, năm 2007, tỉ lệ sinh là 21,07/1000 và tỉ lệ chết là 6,21/1000. Tỉ lệ trẻ chết yếu vào khoảng 42,65/1000 trường hợp. Tuổi thọ trung bình đạt mức 66,99 tuổi, trong đó nam giới đạt mức 64,61 tuổi, nữ giới là 69,48 tuổi. Trung bình một phụ nữ Mông Cổ sinh 2,25 con. Cũng theo con số thống kê năm 2007, tỉ lệ dân số từ 14 tuổi trở xuống chiếm 28,7%, trong đó nam là 432.309, nữ là 415.382; độ tuổi từ 15 đến 64 chiếm 67,4% (994.186 nam, 995.986 nữ); độ tuổi 65 trở lên chiếm 3,9% dân số (49.517 nam, 64.406 nữ). Nam giới chiếm 50,1% dân số và nữ giới chiếm 49,9%. Tỉ lệ tăng trưởng dân số nhanh như vậy đánh dấu một sự chuyển biến to lớn của xã hội Mông Cổ so với truyền thống. Tỉ lệ này chỉ mới xuất hiện

từ từ quảng những năm 1950 khi các dịch vụ chăm sóc sức khỏe được quan tâm. Theo thông báo của Chính phủ, với tỉ lệ tăng 3%, dân số Mông Cổ tăng gấp đôi quãng thời gian từ năm 1963 đến năm 1988. Tỉ lệ tăng cao nhất đạt mức 3,27% vào năm 1960 và giảm xuống 2,7% vào năm 1989. Tuy nhiên, theo con số thống kê vào tháng 7 năm 2007, mức tăng dân số của Mông Cổ hiện giảm xuống ở mức 1,486%.

Mông Cổ là một nước có tỉ lệ cân bằng về giới. Cụ thể, theo số liệu thống kê năm 2007, tỉ lệ giới có chỉ số: 1,05 nam/nữ khi sơ sinh, 1,041 nam/nữ ở độ tuổi dưới 15, 0,998 nam/nữ ở độ tuổi từ 15 đến 64 và 0,769 nam/nữ ở độ tuổi từ 65 trở lên; như vậy tỉ lệ chung là 1nam/1nữ.

Chính sách khuyến khích sinh đẻ của Mông Cổ có nhiều nét đặc biệt với các nước khác. Nếu như tại Việt Nam, do số lượng dân số đông và tỉ lệ sinh đẻ cao mà việc hạn chế sinh đẻ, sinh đẻ có kế hoạch được khuyến khích thì ở Mông Cổ tình hình ngược lại. Dân số đông hơn là mục tiêu dài hạn và chính quyền đã có nhiều khuyến khích loại hình gia đình đông con. Chính phủ Mông Cổ và đảng cầm quyền không có hạn chế nào đối với việc kết hôn và có con sớm ngay trong tầng lớp sinh viên các trường đại học. Năm 2007, báo chí Mông Cổ cho biết, cứ 20 đám cưới thì có một đám tan vỡ, có 15.000 phụ nữ sống bằng tiền trợ cấp bồi thường của chồng đã li dị, có 45.000 trong số 870.000 trẻ em từ 15 tuổi trở xuống được sinh ra ngoài hôn nhân. Việc mang thai và sinh con được coi như một nghĩa vụ thể

hiện tinh thần yêu nước của phụ nữ và được nhà nước khuyến khích. Phụ đang làm việc, khi sinh con được nghỉ 101 ngày. Luật Lao động cấm việc sa thải phụ nữ mang thai và đang nuôi con dưới 1 tuổi. Cha mẹ của những gia đình có nhiều hơn 4 con được cấp tiền thưởng, tiền trợ cấp để nuôi dưỡng trẻ cho đến khi chúng 16 tuổi với mức lương trung bình của các ngành công nghiệp. Những người phụ nữ có 5 con trở nên được thưởng *Huân chương người mẹ vinh quang* và khoản tiền trợ cấp 400 tugrik cho một đứa trẻ, những bà mẹ có 8 con trở lên thì được thưởng *Huân chương người mẹ vinh quang* và khoản trợ cấp hàng năm 600 tugrik cho một đứa trẻ. Huân chương được mang tên người mẹ và họ được hưởng miễn phí những kỳ nghỉ hai tuần ở những suối nước nóng với các dịch vụ chăm sóc sắc đẹp theo sự lựa chọn của họ. Việc sinh con và mang thai còn được khuyến khích với một loại thuế đặc biệt đánh vào những người không có con ở độ tuổi từ 20 đến 50. Sinh viên trong các trường đại học được miễn thuế đó cũng như được miễn nghĩa vụ quân sự.

Năm 1987, Mông Cổ đạt mức dân số 2 triệu người và ngày 11 tháng 7 năm 1987, ngày mà dân số đạt mức kỷ lục đó được kỷ niệm như một ngày lễ quốc gia. Có 25 đứa trẻ được chọn là "*những đứa trẻ thứ hai triệu*". Nhà nước đã tặng cho gia đình mỗi bé một căn hộ và *Quý Trẻ em* đã tặng cho mỗi bé 5.000 tugrik (lương của công nhân trung bình mỗi tháng từ 550 đến 900 tugrik).

Chính quyền địa phương và nơi cha mẹ làm việc cũng có phần quà tặng.

Mật độ phân bố dân số trung bình của Mông Cổ vào năm 2007 khoảng 1,8 người/km², thuộc loại thấp nhất thế giới. Mặc dù vậy, dân số Mông Cổ phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại các thành phố lớn như Ulaanbaatar, Darhan, Erdenet, dọc theo tuyến các đường sắt. Năm 1979, đã có 51% dân số sống ở thành thị và tỉ lệ đó ổn định cho đến năm 2007. Mật độ dân số ở nông thôn vào giữa những năm 1980 đạt mức cao nhất trong những khu vực sử dụng nước ngầm của phía bắc và đông, đạt mức thấp so với khu vực sa mạc phía nam và tây. Vùng lãnh thổ rộng lớn còn lại là nơi cư trú của những cư dân làm nghề chăn thả, là vùng ngoại vi của môi trường xã hội và kinh tế.

Thủ đô Ulaanbaatar là trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của cả nước, đồng thời cũng là nơi có số dân tập trung đông nhất. Theo con số thống kê vào tháng 4 năm 2007, dân số ở đây có tới 1.029.900 người, chiếm trên 30% dân số cả nước. Vị trí thống trị của nó được thể hiện ở hệ thống giao thông phát triển. Trung tâm công nghiệp Darhan có 72.386.000 người, trung tâm Erdenet thành lập năm 1976 có 45.400 người. Vị trí thứ tư là Choybalsan, thủ phủ công nghiệp phía đông của Mông Cổ thuộc vùng Dornod Aymag với dân số năm 1979 là 28.600 người. Trong suốt những năm 1980, công việc kiến trúc xây dựng cho cư dân đô thị diễn ra rất hối hả và ngày càng có nhiều người dân đô thị được sống trong những ngôi nhà thiết kế hiện đại theo kiểu Liên Xô

cũ: nhà xây bê tông 3, 4 tầng hoặc những căn hộ tập thể có tiện nghi trang bị như lò sưởi, hệ thống dịch vụ công cộng kèm theo như cửa hàng, bến xe, trường học, bệnh viện. Mặc dù vậy, có nhiều người dân đô thị vẫn thích sống trong những ngôi lều truyền thống Mông Cổ hình tròn gọi là *ger*. Người Mông Cổ không coi việc ở trong những lều như vậy là lạc hậu hoặc đáng xấu hổ, thậm chí ngay cả ở Ulanbataar. Tuy nhiên, những nhà làm kế hoạch đô thị hoá luôn chịu sức ép của việc tăng dân cư tại các vùng đô thị do giá nhà đất ngày một cao nên luôn khuyến khích mọi người sử dụng những tiện nghi công cộng.

Về chủng tộc và ngôn ngữ: người Mông Cổ khá đồng nhất về chủng tộc. Khoảng 90% cư dân dùng ngôn ngữ Altaic có liên hệ với ngôn ngữ của người Turkic, người Uzbek, Turkish và Kazakh. Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu ngôn ngữ, ngôn ngữ Mông Cổ còn có liên hệ xa với tiếng Hàn và tiếng Nhật. Ngoại trừ phương ngữ của những người Mông Cổ Buryat sống phần lớn ở khu vực quanh hồ Baycal ở Siberia và phương ngữ của những người dân sống rải rác, tất cả phương ngữ được nói ở Mông Cổ đều dễ hiểu đối với mọi người dân Mông Cổ. Người Khalkha chiếm số lượng đông nhất trong dân số, chiếm tới 77,5%. Từ Khalkha theo tiếng Mông Cổ có nghĩa là cái khiên, xuất hiện ít nhất là từ giữa thế kỷ thứ VI để chỉ tới những người du mục Mông Cổ truyền thống sống trên những vùng núi cao. Họ là những người chăn gia súc thuộc các bộ lạc Mông Cổ hoặc những nhóm nhỏ hơn. Đến thế kỷ

thứ XII, họ chiếm đóng phần lớn các khu vực trung tâm, miền đông và tây của Mông Cổ. Khalkha là ngôn ngữ chính thống, được sử dụng trong trường học và các giao dịch công. Ngôn ngữ viết được dựa trên chữ Khalkha của vùng Ulaanbaatar. Hiện nay, chữ viết Mông Cổ được thay thế bằng hệ thống chữ cái Cyrillic vào quãng năm 1941 đến 1946, đó là hệ thống chữ cái của Nga được cấu tạo lại để dùng cho phù hợp với cách phát âm và cấu trúc của Khalkha. 12% còn lại của dân số sử dụng những ngôn ngữ bản địa khác nhau như: Dorbet, Dzakchin, Buryat.... Những người nói thổ ngữ này tập trung tại những vùng lãnh thổ mà tổ tiên họ đã từng sống ở phía tây hay tây bắc Mông Cổ như Hovd, Uvs và Hovsgol aymas, hoặc dọc theo biên giới đông nam với Trung Quốc. Sự khác biệt về tộc người trong số các nhóm cư dân Mông Cổ tương đối nhỏ, thể hiện ở truyền thống truyền miệng về những xung đột lịch sử giữa các nhóm. Dấu hiệu của sắc tộc chủ yếu thể hiện ở trang phục đội đầu, hình dáng của ủng và một số kỹ thuật chăn nuôi. Mặc dù sống trong môi trường rất rộng và khác nhau, nhưng văn hoá Mông Cổ khá thống nhất trên cả một vùng rộng lớn, sự khác biệt về thổ ngữ, về các nhóm bộ lạc không dẫn đến những xung đột về chính trị.

Tộc người thiểu số lớn nhất ở Mông Cổ là người Kazakh sống ở vùng Altai chiếm 5,3% dân số. Người Kazakh cũng còn phân bố ở khu vực thuộc nước Kazaxtan và khu vực tự trị Uygur-Xinjiang. Họ là những người sống bằng nghề chăn nuôi, nói tiếng Turkic và những người theo truyền thống đạo Hồi sống

ở Bayan-Olgii Aymag thuộc cực đông Mông Cổ. Bayan-Olgii là đại diện đông nhất của người Kazakh, nơi đây tiếng Kazakh được sử dụng trong trường tiểu học và các công sở. Những người Kazakh sống ở vùng núi Altai thường theo nghề săn bắn trên lưng ngựa với những con đại bàng săn mồi. Đối với họ, tiếng Mông Cổ là ngôn ngữ thứ hai, ngôn ngữ thứ ba là tiếng Nga.

Về đời sống tôn giáo, theo con số thống kê năm 2006, có khoảng 50% dân số Mông Cổ theo tín ngưỡng Phật giáo Lạtma, 6% theo Shaman giáo và Kitô giáo, 4% theo Hồi giáo. Tự do tôn giáo được hiến pháp Mông Cổ thừa nhận từ năm 1960. Phật giáo vẫn còn tồn tại phổ biến và ảnh hưởng sâu sắc trong tầng lớp những người có tuổi. Ngay trong đời sống hàng ngày, cách ứng xử và trong cách thờ cúng trong gia đình, người ta dễ dàng tìm thấy sự ảnh hưởng sâu sắc và phổ biến của Phật giáo. Theo các công trình nghiên cứu của các học giả Mông Cổ và Xô-viết trong những năm 1970, Phật giáo Mông Cổ ảnh hưởng nhiều ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian địa phương, nhất là của Shaman giáo và có tính uyển chuyển.

Về giáo dục, hiện nay Mông Cổ thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc là 8 năm. Có hơn 90% dân số biết đọc, biết viết. Việc thực hiện phổ cập giáo dục và nâng cao trình độ dân trí của Mông Cổ đã góp phần to lớn vào việc phát triển kinh tế xã hội của đất nước này.

Là một quốc gia thuộc khu vực Đông Bắc Á, Mông Cổ là một đất nước có diện tích rộng lớn nhưng dân số không đông, điều

kiện tự nhiên và khí hậu rất khắc nghiệt. Mặc dù vậy, trong những năm qua, nhân dân Mông luôn luôn đổi mới, tìm tòi con đường hội nhập vào quá trình phát triển chung của thế giới, không ngừng cải cách thể chế kinh tế và xã hội, đạt được nhiều thành quả rất đáng quan tâm, góp phần tích cực vào ổn định và phát triển phồn vinh của toàn khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Brief of Mongolia*, <http://www.mongoliatourism.gov.mn/>
2. *Mongolia*, The World fact book, <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/mg.html>
3. Infoplease, *Mongolia*, <http://www.infoplease.com/ipa/A0107796.html>
4. *Mongolia today*, <http://www.mongoliatoday.com/>
5. Worldguide, *Mongolia Overview*, <http://www.lonelyplanet.com/worldguide/mongolia/>
6. Fulworld, *Darhan city*, <http://www.fullworld.eu/city?i=1476504&n=Darhan>
7. Country Studies: *A Country Studies: Mongolia*, <http://lcweb2.loc.gov/frd/cs/mntoc.html>
8. Discover: *Discover Mongolia*, <http://www.discover.mn/mongolia/>
9. wikipedia, *Mongolia*, <http://en.wikipedia.org/wiki/Mongolia>